

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 28-8-2025.

V/v: Kiện ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nụ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Linh.

2. Ông Lương Tú Huân.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiếp – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk: Ông Hồ Quang Phúc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án - Toà án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/8/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Minh H – Sinh ngày 10/10/1982; CCCD số: 045182006924, cấp ngày 10/5/2021; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ may. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Văn Bá T – Sinh ngày 15/8/1979; CCCD số: 062079005551; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Minh H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng sau đó nảy

sinh nhiều mâu thuẫn. Đến nay mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Văn Bá H1, sinh ngày 22/02/2018. Nguyên vọng của tôi là tôi nuôi cháu H1, hiện nay tôi có công việc ổn định từ công việc may khoảng trên 7 triệu đồng và đủ sức nuôi con.

Về tài sản, công nợ, cấp dưỡng chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn ông Văn Bá T:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã áp dụng thủ tục niêm yết công khai đối với ông T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Văn Bá T xác nhận lời trình bày của bà Lê Thị Minh H đã trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung giữa bà H và ông T là đúng sự thật. Ông T và bà H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 vào ngày 20/01/2020. Do giấy tờ của ông T có sai sót về năm sinh, nên trong giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của con Văn Bá H1 đã ghi: Văn Bá T - sinh năm 1982. Đồng thời, ông T cung cấp Căn cước công dân của ông Văn Bá T – sinh ngày 15/8/1979. Ông T xác định ngày tháng năm sinh tại căn cước công dân là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống, giữa ông T và bà H có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thiếu tin tưởng và tôn trọng nhau, nên có xảy ra xung đột, dẫn đến có xúc phạm và đánh bà H, nhưng ông T không muốn ly hôn với bà H và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, để cùng nuôi dạy con chung.

Tuy nhiên, trong trường hợp bà H vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án “Kiện ly hôn”, việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/01/2020 cấp cho bà Lê Thị Minh

H – sinh ngày 10/10/1982 và Văn Bá T - sinh năm 1982; giấy khai sinh số 31 cấp cho Văn Bá H1 – sinh ngày 22/02/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) đều xác định ông Văn Bá T - sinh năm 1982. Còn tại giấy căn cước công dân số: 062079005551 cấp cho ông Văn Bá T sinh ngày 15/8/1979. Tại phiên tòa, ông T và bà H đều xác định năm sinh đúng của ông Văn Bá T – sinh ngày 15/8/1979. Căn cứ Điều 28 Luật hộ tịch tư pháp và khoản 2 Điều 7 nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15-11-2015 của Chính phủ, thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để thay đổi, cải chính hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ và sự thừa nhận của các đương sự trong quá trình tham gia tố tụng và sự thừa nhận của các bên, đã có đủ cơ sở xác định: Bà Lê Thị Minh H và ông Văn Bá T tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 2016, đến ngày 20/01/2020 có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần đến Tòa án để trình bày và hòa giải hàn gắn để khắc phục mâu thuẫn, cũng như thể hiện trách nhiệm về nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con, nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không hợp tác, không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận: *“Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra là do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến xúc phạm và ông có đánh đập bà H, nhưng ông T không đồng ý ly hôn với bà H”*.

Xét, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa Bà Lê Thị Minh H và ông Văn Bá T không còn sự tôn trọng, tin tưởng, thương yêu, quý trọng lẫn nhau, nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà Lê Thị Minh H yêu cầu ly hôn với ông Văn Bá T là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2]. Về nuôi dưỡng con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Văn Bá H1 – sinh ngày 22/02/2018 chưa đủ 18 tuổi.

Xét các đương sự đều có nghề nghiệp ổn định và đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi và đều không yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án như đã phân tích tại mục [2.1], ông T không hợp tác trong quá trình tham gia tố tụng, nên ông T đã từ chối nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ

luật tổ tụng dân sự, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên không có cơ sở chấp nhận nguyện vọng nuôi con của ông T.

Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của con chưa thành niên, xét nguyện vọng của bà H phù hợp với ý kiến của cháu Văn Bá H1, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà H. Giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Văn Bá H1 – sinh ngày 22/02/2018 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Lê Thị Minh H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh H được ly hôn với ông Văn Bá T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Văn Bá Hoàng, sinh ngày 22/02/2018 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Văn Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo

biên lai số AA/2023/0002769, ngày 08/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo (Nay là phòng THAND khu vực 9 – Đăk Lăk).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 9 – Đăk Lăk;
- Phòng THADS khu vực 9 – Đăk Lăk;
- UBND xã Ea Drăng, tỉnh Đăk Lăk
(Giấy CNKH số 11 ngày 20/01/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nụ